TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **T QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày 17 - 12 - 2025
V/v "tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, T QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Huy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Hai.
2. Ông Lê Văn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, T Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - T Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7, T Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST - DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 05/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977 và bà Hồ Thị Thu H, sinh năm: 1988; Đều cùng địa chỉ: Khối X, xã Khe Sanh, T Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Thôn Q, xã Khe Sanh, T Quảng Trị (Giấy ủy quyền lập ngày 18/8/2025); Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Trường T, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm: 1980; Đều trú tại: Số nhà Y, khối N, xã Khe Sanh, T Quảng Trị; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986; Nơi thường trú: Khối X, xã Khe Sanh, T Quảng Trị; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2022

ông Nguyễn Văn T được ông Nguyễn Văn T giới thiệu gặp vợ chồng ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X để góp vốn cùng Công ty của bà X khai thác mỏ đá mồ côi tại xã Hướng Linh (nay là xã Hướng Phùng, T Quảng Trị). Mặc dù chưa có văn bản thể hiện việc đồng ý góp vốn nhưng kể từ ngày 17/10/2022 đến ngày 21/11/2022 vợ chồng ông T, bà X đã mượn tiền của vợ chồng ông T và bà H, cụ thể các lần như sau:

Ông Nguyễn Văn T chuyển khoản từ số tài khoản 3906205119763 của mình mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vào tài khoản số 04003948113, mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín mang tên Phạm Trường T 03 lần (Ngày 17/10/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng, ngày 31/10/2022 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 01/11/2022 chuyển 110.000.000 đồng).

Ngày 25/10/2022, bà Hồ Thị Thu H chuyển khoản từ tài khoản số 3907205093409 của mình mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vào tài khoản số 3902215008870 của bà Nguyễn Thị Mỹ X mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 21/11/2022 ông T mượn số tiền 50.000.000 đồng (ông T đưa bằng tiền mặt).

Tổng cộng ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H đã chuyển tiền cho ông T và bà X 04 lần và 01 lần ông T mượn tiền mặt tổng cộng số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 16/02/2023 ông T, bà X hẹn ông T đến quán Thái Hằng (Đường Hồ Chí Minh, xã Khe Sanh, T Quảng Trị), ông T và bà X yêu cầu ông T góp vốn vào việc khai thác mỏ đá (tổng số tiền phải góp theo yêu cầu của ông T, bà X là 1.000.000.000 đồng). Ông T yêu cầu ông T, bà X soạn hợp đồng góp vốn, đồng thời xác nhận số tiền 250.000.000 đồng nêu trên là số tiền góp vốn lần đầu vào dự án khai thác mỏ đá. Sau khi hợp đồng góp vốn được hai bên ký, số tiền còn lại 750.000.000 đồng thì ông T có nghĩa vụ chuyển tiếp (góp vốn lần 02). Tuy nhiên, ông T và bà X không đồng ý, không làm hợp đồng theo yêu cầu nên việc ký kết hợp đồng góp vốn không thành, sau đó ông T nhiều lần gọi điện cho bà X và ông T yêu cầu trả lại tiền nhưng ông T và bà X tìm cách trốn tránh không gặp mặt và cũng không trả lại tiền cho vợ, chồng ông T, bà H.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 18/11/2025, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện buộc ông T, bà X phải trả số tiền 50.000.000 đồng đã mượn vào ngày 21/11/2022.

Nay ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) đã mượn cho ông T và bà H.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 09/10/2025; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải ngày 31/10/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/12/2025, bị đơn ông Phạm Trường T trình bày: Qua giới thiệu của ông Nguyễn Văn T, ông Phạm Trường T mới biết ông Nguyễn Văn T. Qua tìm hiểu từ phía ông T, ông T mới biết ông T có đặt cọc để mua một lô đất tại ven bờ hồ Trung Chỉ (Đông Hà), từ đó ông Nguyễn Văn T chủ động tìm đến và đặt vấn đề muốn xin chung một phần trong lô đất nêu trên. Vợ chồng ông T đồng ý và thống nhất nội dung mua bán với ông T như sau: Đồng ý cho ông T tham gia 1/4 giá trị lô đất, với giá một phần là 480.000.000 đồng. Qua thoả thuận bằng miệng và thống nhất rằng: Ông T phải nộp đủ số tiền 480.000.000 đồng vào đúng thời gian đã thống nhất là 30 ngày (kể từ ngày góp tiền đầu tiên) để trả tiền mua đất cho chủ đất, sau đó mới làm văn bản góp vốn mua bán lô đất nói trên. Ông T, bà X thừa nhận thông qua các giao dịch chuyển khoản, bà H, ông T có chuyển và ông T, bà X có nhận tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo yêu cầu khởi kiện của ông T bà H. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc thoả thuận, ông T đã nhiều lần gọi điện yêu cầu ông Tĩnh góp đủ số tiền như đã thống nhất ở trên để trả tiền mua đất cho chủ đất nhưng ông T không thực hiện đúng như đã cam kết. Ông T đã thông báo nếu như không tiếp tục thực hiện theo thoả thuận thì coi như số tiền đó đã vi phạm nội dung đã thoả thuận và mất tiền cọc, chủ đất không cho lấy lại. Do đó, ông T, bà X không chấp nhận trả lại tiền cho ông T bà H và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến ngày 09/10/2025 mà ông Phạm Trường T đã giao nộp cho Tòa án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/12/2025. Nội dung ý kiến của bà X thống nhất như ý kiến mà ông T đã trình bày.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt cùng đề ngày 11/11/2025 người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày nội dung: *"Bản thân tôi không chứng kiến việc hai bên giao nhận tiền, không biết sự việc cụ thể góp vốn giữa hai bên. Không biết chi tiết số tiền góp vốn là bao nhiêu cũng như không biết việc giữa hai bên góp vốn để nhằm mục đích gì"*.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ là: Chứng từ giao dịch các ngày 17/10/2022; 25/10/2022; 31/10/2022 và 01/11/2022 (bản chính); 03 Căn cước công dân mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T (bản chứng thực); 01 Giấy ủy quyền ngày 18/8/2025; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao).

Bị đơn ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, T Quảng Trị phát biểu ý kiến

về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7, T Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105, 166 Bộ luật Dân sự:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X phải trả 200.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H.

+ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đòi lại tài sản 50.000.000 đồng ngày 21/11/2022 của nguyên đơn.

+ Về án phí: Căn cứ theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H đã thực hiện chuyển cho ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T bà X không trả lại số tiền nói trên. Vì vậy, buộc ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H số tiền 200.000.000 đồng đã chiếm hữu không có căn cứ, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là *"Tranh chấp đòi lại tài sản",* bị đơn có nơi thường trú tại khối 4, xã Khe Sanh, T Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, T Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy:

- Thông qua số tài khoản 3906205119763 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (đã được ngân hàng xác nhận tại Công văn số 2781/NHNo-QT-TH ngày 14/11/2025) ông Nguyễn Văn T đã chuyển lần lượt vào tài khoản số 04003948113 mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (đã được ngân hàng xác nhận tại Công văn số 10/2025/CV-PGD-HH ngày 16/10) mang tên Phạm Trường T 03 lần (Ngày 17/10/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng, ngày 31/10/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng, ngày 01/11/2022 chuyển số tiền 110.000.000 đồng).

- Ngày 25/10/2022 thông qua số tài khoản 3907205093409 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (đã được ngân hàng xác nhận tại Công văn số 23/NHNo-KTNQ.m ngày 10/11/2025) bà Hồ Thị Thu H đã chuyển vào tài khoản số 3902215008870 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (đã được ngân hàng xác nhận tại Công văn số 1424/NHNo-ĐH-KTNQ ngày 20/10/2025) mang tên Nguyễn Thị Mỹ X số tiền 70.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền ghi "*chuyển khoản góp vốn lần 1"*.

Vợ chồng ông T và bà X thừa nhận ông T và bà H chuyển tiền cho ông T bà X tổng cộng 200.000.000 đồng nhưng cho rằng ông T bà H chuyển tiền là để góp vốn đặt cọc mua đất tại Đông Hà nhưng do ông T bà H không đưa đủ số tiền như đã thỏa thuận nên đã mất tiền cọc, nay không đồng ý trả lại cho ông T bà H. Tòa án đã yêu cầu ông T bà X cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc các bên thỏa thuận góp tiền mua đất nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh.người làm chứng ông Nguyễn Văn T khai không chứng kiến sự việc, không biết rõ nội dung, mục đích chuyển tiền và số tiền chuyển giữa các bên là bao nhiêu. Tại phiên đối chất ngày 13/11/2025, ông T cũng không đưa ra được các luận điểm, chứng cứ để bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; việc ông T bà X cho rằng góp tiền mua đất chỉ là lý do được nại ra để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong khi đó, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều không thừa nhận ý kiến trình bày của bị đơn. Người làm chứng ông Nguyễn Văn T khai không chứng kiến sự việc, không biết rõ nội dung, mục đích chuyển tiền và số tiền chuyển giữa các bên là bao nhiêu. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

Theo các giao dịch chuyển khoản các ngày 17/10/2022, 25/10/2022, 31/10/2022, 01/11/2022 và bị đơn ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X đều thừa nhận đã nhận của ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng và hiện không trả lại nên ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H khởi kiện đòi lại số tiền này là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại số tiền 50.000.000 đồng mà ông T đưa cho ông T vào ngày 21/11/2022, thấy rằng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 18/11/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ giải quyết về việc buộc ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X trả lại số tiền 50.000.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H. Buộc ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H. Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H buộc ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H số tiền là 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng).*

- Buộc vợ chồng ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H tổng cộng số tiền là 200.000.000đồng *(hai trăm triệu đồng)* phát sinh từ các giao dịch chuyển khoản vào các ngày 17/10/2022; 25/10/2022; 31/10/2022 và 01/11/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Trường T và bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 6.250.000 đồng *(sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*

tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu: BLTU/25E số 0000560 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự T Quảng Trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND T Q.Trị;
-VKSND T Q.Trị;
-VKSND khu vực 7;
-Các đương sự;
-THADS T Q.Trị;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Huy